TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2019/DS-PT
Ngày 31 tháng 5 năm 2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất; bồi thường thiệt hại về tài sản; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Ông Huỳnh Thanh Duyên

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2009 về việc yêu cầu "Tranh chấp quyền sử dụng đất; bồi thường thiệt hại về tài sản; huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2018/DS-ST ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 710/2019/QĐPT-DS ngày 17/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U , sinh năm 1941 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L , sinh năm 1982 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 10/7/2018).

Bị đơn: Bà Phạm Thị Mười H , sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H : Luật sư Nguyễn Đại G – Đoàn Luật sư TP Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (Xin vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn Đ - Chủ tịch UBND (Vắng mặt).

2. Bà Lâm Thị B , sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà B : Ông Nguyễn Văn L , sinh năm 1982 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 09/7/2018).

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Mười H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - ông Nguyễn Văn U **do ông Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Năm 1984, ông U có khai hoang 41.000m2 đất tọa lạc huyện Vĩnh Hưng. Ngày 05/11/1990, ông U được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp chứng nhận quyền sử dụng đất (tấc đất tấc vàng) số 4268CNĐĐ đối với 5 thửa đất, trong đó có thửa 106, diện tích 41.000m2, TBĐ số 2, tọa lạc huyện Vĩnh Hưng. Ngày 30/6/1997, ông U được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số K 583439 đối với 5 thửa đất, trong đó có thửa 18, diện tích 2.742m2 và thửa 19, diện tích 2.450m2 , TBĐ số 1, tọa lạc huyện Vĩnh Hưng (thửa 18 và 19 thuộc thửa 106 trước đây). Ngày 13/4/2015, ông Út được cấp đổi GCNQSDĐ số BX 229468 đối với thửa 18 và GCNQSDĐ số BX 229467 đối với thửa đất số 19.

Ngày 12/11/2016, ông L (con trai ông U) mang thóc gieo xạ trên thửa 18, 19 thì bị bà Mười H ngăn cản và chiếm luôn thửa 18 cũng như gây cản trở cho ông U trong việc sử dụng thửa 19. Vụ án tranh chấp thửa 19 đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông U yêu cầu bà Mười H trả lại thửa đất số 18, diện tích đo đạc thực tế là 2.742m2, tọa lạc huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, bồi thường thiệt hại về hoa lợi, lợi tức trên hai thửa 18, 19 với số tiền là 17.250.400đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L đại diện cho ông U rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Mười H bồi thường 17.250.000đ, chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất.

Bị đơn - bà Phạm Thị Mười H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 18 là của bà Bảy C (cô họ bà Mười H) khai phá từ năm 1970. Do chiến tranh với Campuchia, bà Bảy C bỏ đi không sử dụng.

Từ năm 1970 đến năm 1996, thửa đất số 18 bị bỏ hoang, không ai sử dụng. Năm 1996, bà chang thửa 19 xuống thửa 18 và sử dụng thửa 18 từ đó đến

năm 2013. Năm 2014 đến đầu năm 2016, ông U sử dụng thửa 18. Từ năm 2016 đến nay, bà Mười H sử dụng.

Bà Mười H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông U và yêu cầu hủy GCNQSDĐ do ông U đứng tên đối với thửa đất số 18.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND huyện Vĩnh Hưng trình bày:

Không có cơ sở xác định thửa đất số 18, diện tích 2.742m2, TBĐ số 1 có phải (thuộc) thửa đất số 106, diện tích 41.000m2, TBĐ số 2 mà trước đây ông U được cấp GCNQSDĐ (tấc đất tấc vàng) hay không.

Trong quá trình cấp giấy GCNQSDĐ số K583439 năm 1997 lần đầu và cấp đổi GCNQSDĐ số BX 229468 năm 2015 cho ông U đối với thửa 18, diện tích 2.742m2, TBĐ số 1, Ủy ban không phát hiện dấu hiệu cấp sai quy định pháp luật.

Hồ sơ địa chính và bản đồ địa chính của huyện Vĩnh Hưng được xác lập năm 1996 nên không có cơ sở xác định ai là người sử dụng thửa 18 trước năm 1990.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lâm Thị B do ông Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà B là vợ ông U , bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông U và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2018/DS-ST ngày 18/12/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ Điều 26, 34, 37, 147, 157, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Điều 690 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết số số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U *về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với bà Phạm Thị Mười H .*

Buộc bà Phạm Thị Mười H có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn U *thửa đất số 18, diện tích 2.742m2, TBĐ số 1, tọa lạc huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (Vị trí, diện tích theo Mảnh trích đo địa chính số 52-2017 ngày 02/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Vĩnh Hưng).*

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Mười H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 583439 ngày 30/6/1997 do UBND huyện Vĩnh Hưng cấp cho ông Nguyễn Văn U *đối với thửa đất số 18, diện tích 2.742m2, TBĐ số 1, tọa lạc huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.*

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U về việc yêu cầu bà Phạm Thị Mười H bồi thường thiệt hại về hoa lợi, lợi tức với số tiền 17.250.400đ.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc là 1.875.000đ (do ông Nguyễn Văn U *nộp tạm ứng): Bà Phạm Thị Mười H phải chịu chi phí này và có nghĩa vụ trả lại cho ông* U *1.875.000đ.*

5. Chi phí đối chất là 2.100.000đ (do ông Nguyễn Văn U *nộp tạm ứng): Ông Nguyễn Văn* U *phải chịu chi phí này.*

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mười H phải chịu 4.798.500đ.

7. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, bị đơn bà Phạm Thị Mười H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Mười H trình bày: Diện tích đất tranh chấp thửa 18 do bà Bảy C khai phá, sau đó bà Bảy C bỏ không sử dụng. Năm 1993 bà H khai hoang sử dụng liên tục, việc này có nhiều người làm chứng xác nhận, nhưng Nhà nước lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn U là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Đại G trình bày: Toà án cấp sơ thẩm lấy lý do ông Phan Văn K là chồng bà Phạm Thị Mười H trình bày tài sản tranh chấp là tài sản riêng của bà H rồi không đưa ông K vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Có đủ căn cứ xác định khu đất tranh chấp do bà H khai hoang từ năm 1993 và sử dụng đết nay. Trong đơn xin cấp đất của ông U không có thửa 18, nhưng địa phương lại tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn U là trái với quy định pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các yêu cầu của bà H . Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Ông Nguyễn Văn L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện các thủ tục tố tụng, thu thập đầy đủ các chứng cứ và xét xử đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Luật sư, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo và nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa Uỷ ban nhân dân huyện Vinh Hưng, tỉnh Long An vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét vụ án.

[1.3] Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 02/10/2018, ông Phan Văn K là chồng bà Phạm Thị Mười H trình bày: Thửa đất số 18, diện tích 2.742m2 là tài sản riêng của bà Mười H , ông K không có liên quan đến thửa đất này và đề nghị Tòa án không triệu tập ông khi giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông K không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không đưa ông K vào tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng do thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Văn U khởi kiện yêu cầu bà Mười H trả lại thửa đất số 18, diện tích 2.742m2, tờ bản đồ số 1, tọa lạc huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An và bồi thường thiệt hại về hoa lợi, lợi tức với số tiền 17.250.000đ. Sau đó ông U rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về bồi thường thiệt hại. Bà Phạm Thị Mười H cho rằng khu đất tranh chấp do bà H khai hoang năm 1993, bà H đã sử dụng ổn định liên tục, nhưng Nhà nước lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn U là không đúng với quy định pháp luật. Bà H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đã cấp cho ông U.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Mười H :

[2.1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Lộc đại diện cho ông Nguyễn Văn U rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Phạm Thị Mười H bồi thường thiệt hại số tiền 17.500.000đ. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông U là có căn cứ.

[2.1.2] Tại Tờ tường trình ngày 09/7/2008, bà H trình bày *"Vào năm 1974, ông Nguyễn Văn L1 có phá lô đất (nay là thửa 19) cất chòi để trồng mì. Năm 1977, ông chạy giặc sang Campuchia nên bỏ hoang. Đến năm 1993, tôi có thuê ông Trương Xuân H1 (con ông Trương Văn T) khai phá cho tôi bằng đôi trâu. Đất của tôi đi gồm 4 lô bao quanh, Đông số 8, Tây số 21, Nam số 10, Bắc số 18, chỉ còn lô ở giữa số 19"*. Tờ tường trình của bà H có xác nhận của một số người dân địa phương gồm các ông bà Nguyễn Văn S , Cao Thị B1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Văn G1, Trương Thanh H2, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn K , Nguyễn Đức T1. Nhưng xác nhận của những người dân này về thửa đất số 19, chứ không phải thửa đất số 18. Đối với thửa đất số 18, bà Hai cho rằng thửa đất này có nguồn gốc của bà Bảy C . Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà H có nhiều lời khai cho rằng từ năm 1970 đến 1996 khu đất thuộc thửa 18 bỏ hoang, đến năm 1996 bà H mới sử dụng. Như vậy lời trình bày của bà H về quá trình sử dụng đất là không thống nhất.

[2.1.3] Theo Báo cáo tóm tắt ngày 19/11/2011 của Công an xã Khánh Hưng về việc giải quyết tranh chấp đất đối với hộ gia đình bà Phạm Thị Mười H và bà Lâm Thị B có nội dung thể hiện ngày 01/11/2010, các con ông U dụng máy cày trục xạ lúa trên 05 công đất của ông U (trong đó có thửa 18) thì bị các con của bà Mười H ra tranh cản, chửi bới, hăm dọa, Công an xã phải can thiệp. Chiều cùng ngày, con của bà Mười H là anh Phan Hữu L2 đem máy cày trục phá thửa ruộng vừa gieo xạ của bà B . Công an xã phải can thiệp khống chế bắt con bà Mười H và xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 17/7/2011, bà Mười H cùng các con thu hoạch lúa của ông U trên hai thửa 18, 19. Với hành vi thu hoạch lúa của gia đình ông U trên thửa 18 và 19, bà Phạm Thị Mười H bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt một năm tù về tội công nhiên chiếm đoạt tài sản theo Bản án hình sự phúc thẩm số 214/2013/HS-PT ngày 08/11/2013. Năm 2014, gia đình ông U lấy lại thửa 18 và 19 canh tác. Đến năm 2016, bà H mãn hạn tù lại tiếp tục tranh chấp và lấy hai thửa đất này của ông U canh tác đến nay.

[2.1.4] Mặt khác, thửa đất số 18 có vị trí giáp ranh với những thửa đất khác của ông U, tiếp đến giáp ranh với thửa đất số 19 rồi mới tới các thửa đất của bà H . Vào năm 1999, bà H san lấp thửa đất số 19 lúc này làm phát sinh tranh chấp với ông U, bà B . Do đó, bà H cho rằng bà đã canh tác thửa đất số 18 từ năm 1993 là không có căn cứ.

[2.1.5] Xét việc bà H cho rằng khi xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U vào năm 1997 thì thửa 18 của ông U không được Ủy ban nhân dân xã xét duyệt. Tuy nhiên tại biên bản xét duyệt ngày 17/06/1997 có nội dung thể hiện thửa đất số 18 nêu trên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U. Do đó không có đủ căn cứ xác định ông U không được xét duyệt đề nghị cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số

18. Tại Công văn số 921/UBND-TNMT ngày 17/10/2018 của UBND huyện Vĩnh Hưng có nội dung xác định quá trình cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U không phát hiện dấu hiệu cấp sai quy định pháp luật. Ngoài ra, từ trước đến nay chưa có căn cứ xác định bà H đã đăng ký, kê khai thửa đất số 18 qua các thời kỳ.

[2.1.6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U và không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Mười H hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông U đối với thửa đất số 18 là có căn cứ.

[2.1.7] Từ những phân tích nêu trên hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát, không chấp nhận ý kiến của Luật sư, bác kháng cáo của bà Phạm Thị Mười H , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bác kháng cáo của bà Phạm Thị Mười H nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015,

Căn cứ Điều 690 Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 2 Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ Nghị quyết số số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Phạm Thị Mười H , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với bà Phạm Thị Mười H .

1.1.1. Buộc bà Phạm Thị Mười H có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn U thửa đất số 18, diện tích 2.742m^2, TBĐ số 1, tọa lạc huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (Vị trí, diện tích theo Mảnh trích đo địa chính số 52-2017 ngày 02/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Vĩnh Hưng).

1.1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Mười H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 583439 ngày 30/6/1997 do UBND huyện Vĩnh Hưng cấp cho ông Nguyễn Văn U đối với thửa đất số 18, diện tích 2.742m2, TBĐ số 1, tọa lạc huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U về việc yêu cầu bà Phạm Thị Mười H bồi thường thiệt hại về hoa lợi, lợi tức với số tiền 17.250.400đ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc là 1.875.000đ (do ông Nguyễn Văn U nộp tạm ứng): Bà Phạm Thị Mười H phải chịu chi phí này và có nghĩa vụ trả lại cho ông U 1.875.000đ.

2.2. Chi phí đối chất là 2.100.000đ (do ông Nguyễn Văn U nộp tạm ứng): Ông Nguyễn Văn U phải chịu chi phí này.

2.3 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mười H phải chịu 4.798.500đ.

2.4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Mười H phải chịu 300.000đ. án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000228 ngày 21 tháng 12 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An được khấu trừ váo tiền án phí bà H phải nộp.

[3] Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu, bên thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì phải chịu thêm lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDcấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An (1);
- Đương sự (7);
- Lưu hồ sơ (1),VP (3),18b. TTT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh